CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2025

CTCP Tập đoàn EDX

Ngày 30/06/2025	1,000 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-9.1%	**-9.1%**	**11.1%**

Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	600 - 1,100
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	60
Số lượng CPLH (CP)	60,309,533
KLGD BQ 20 phiên (CP)	59,975
Sở hữu nước ngoài	0.6%
Beta	(0.00)
EPS	
P/E	

DT thuần
Q2/25
0
tỷ VNĐ

LN thuần
Q2/25
9.83
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 9.83|

LN sau thuế
Q2/25
-563
tỷ VNĐ
QoQ: ▼563|

Tỷ suất lãi EBIT
Q2/25

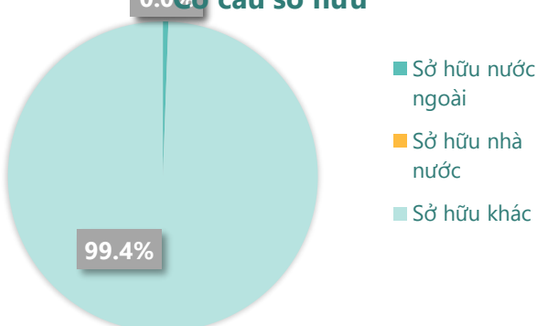
ROE (TTM)
Q2/25

DT thuần
6T 2025
0
tỷ VNĐ

LN thuần
6T 2025
9.83
tỷ VNĐ

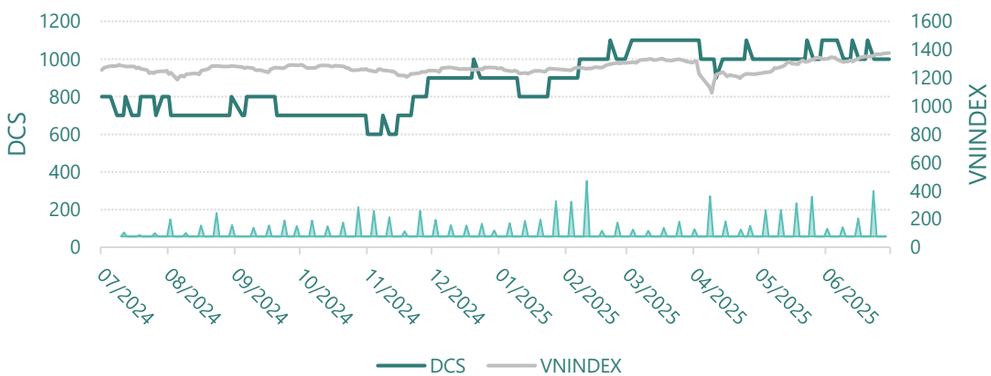
LN sau thuế
6T 2025
-563
tỷ VNĐ

Cơ cấu sở hữu

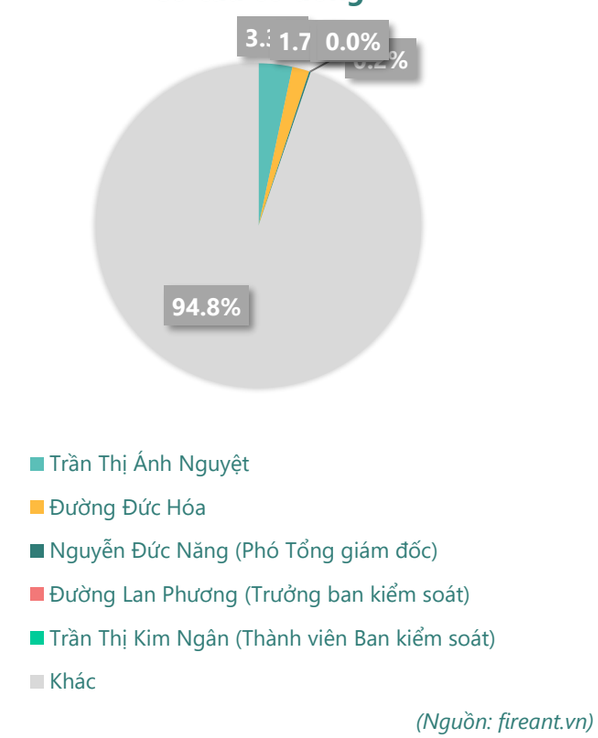


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



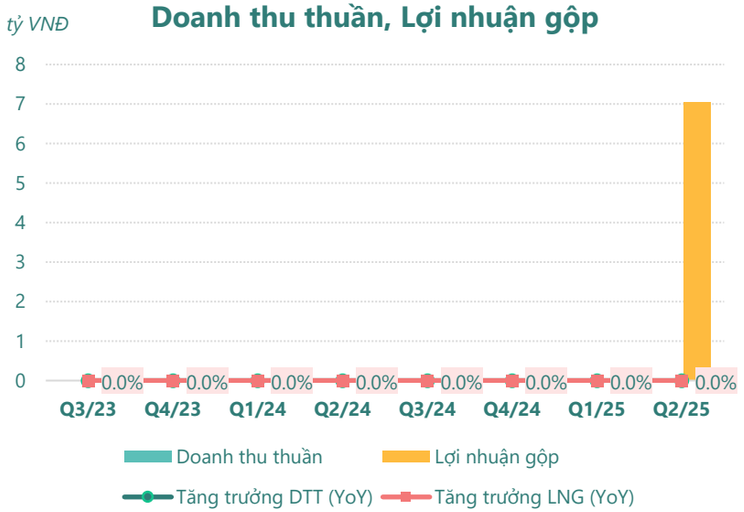
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

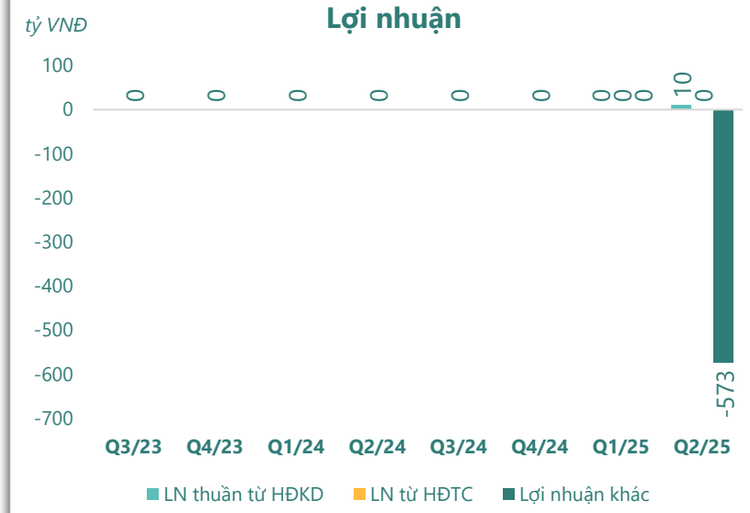
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



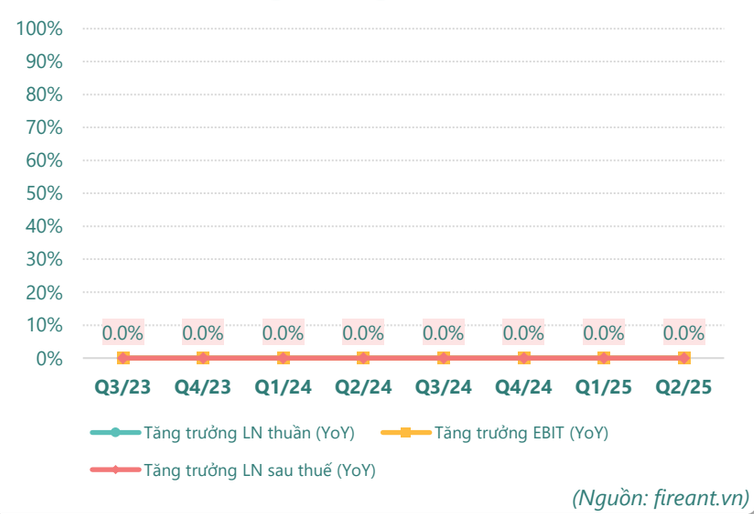
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



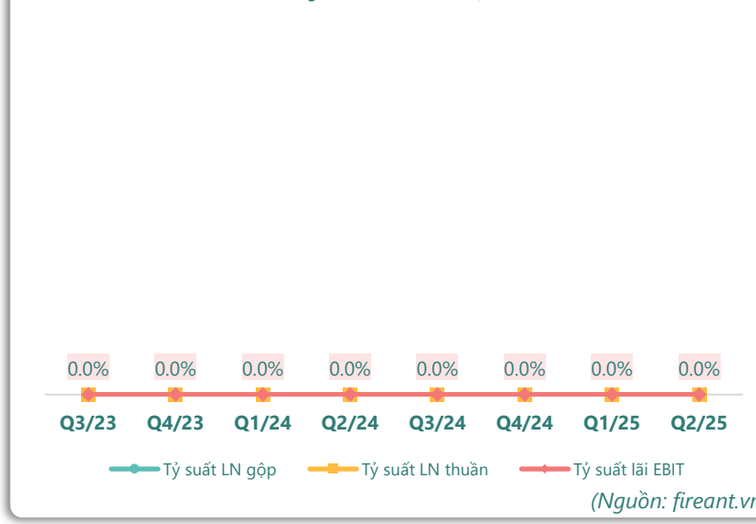
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



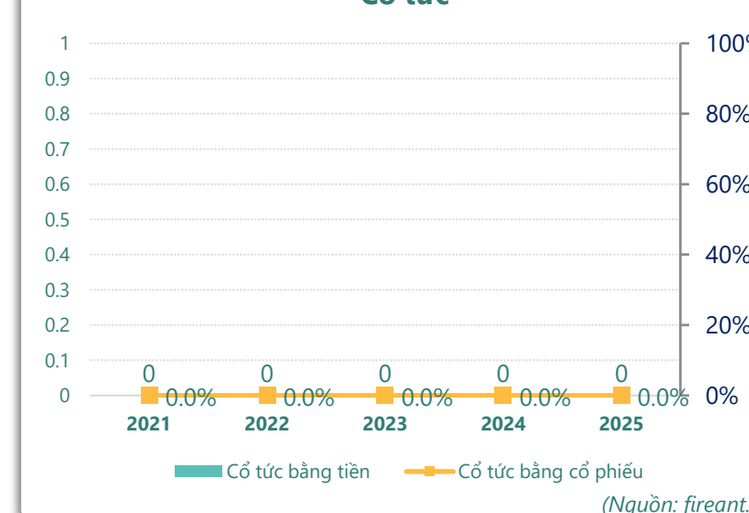
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



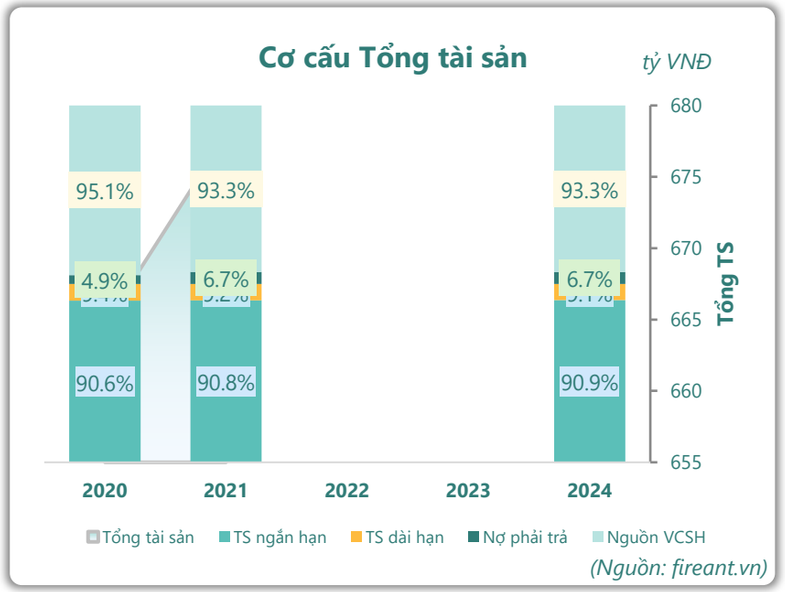
(Nguồn: fireant.vn)

Cổ tức

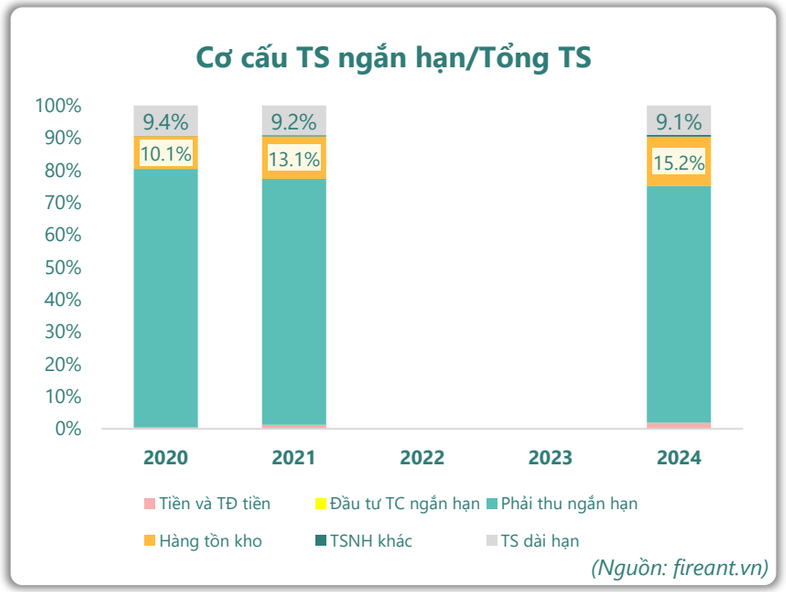


(Nguồn: fireant.vn)

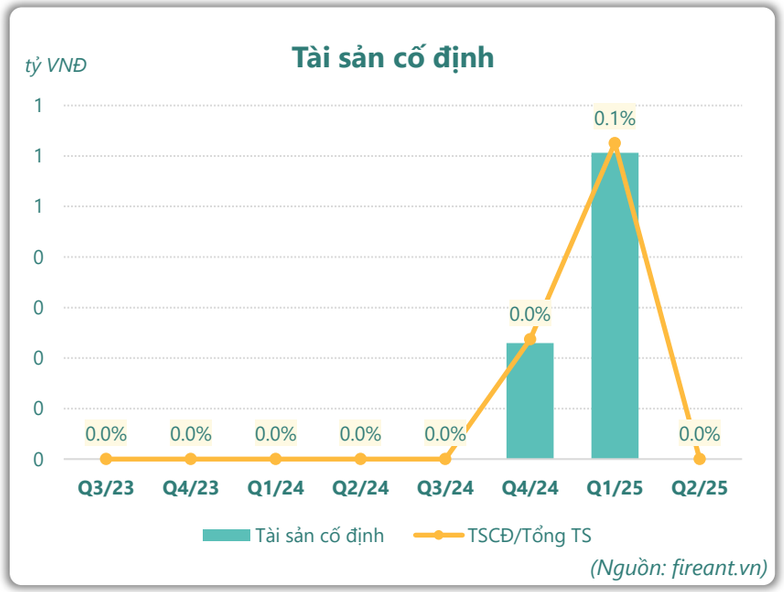
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN



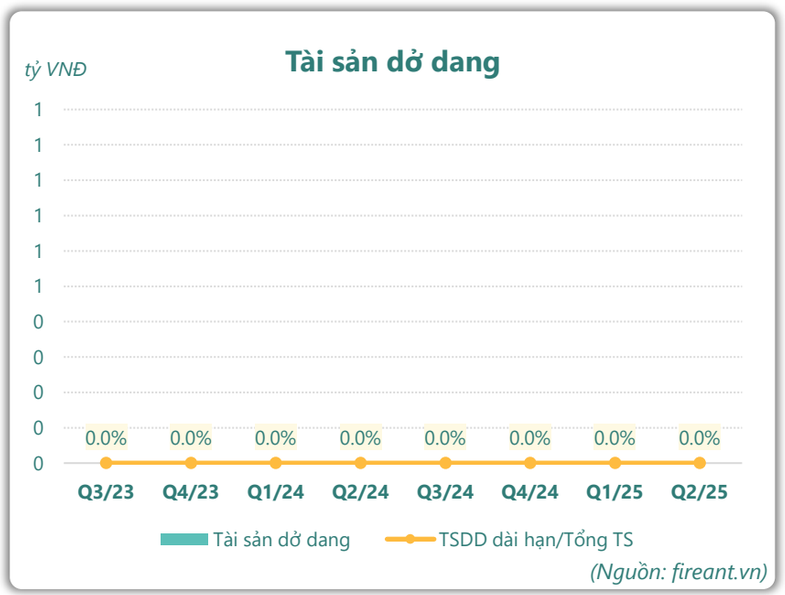
(Nguồn: fireant.vn)



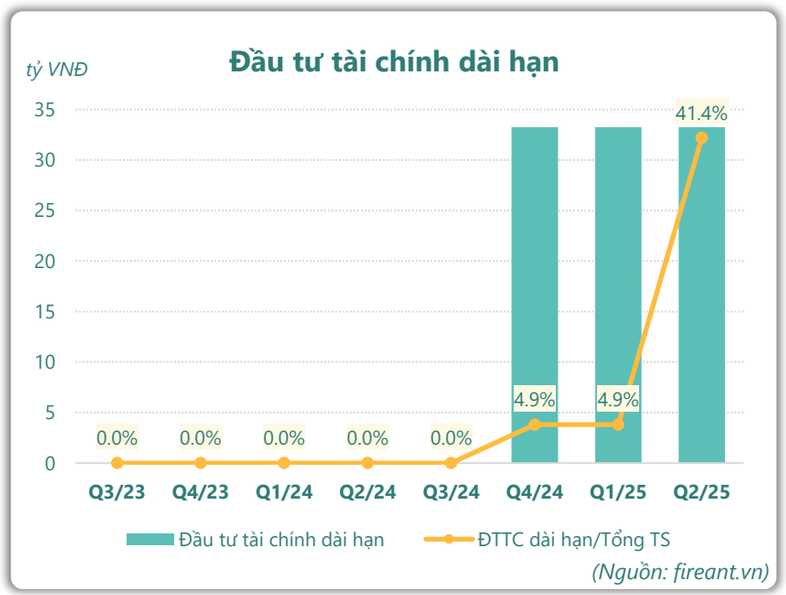
(Nguồn: fireant.vn)



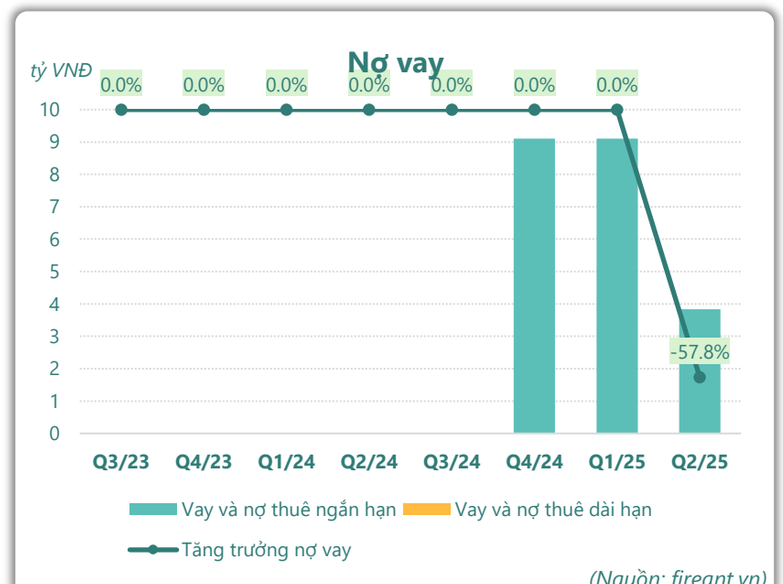
(Nguồn: fireant.vn)



(Nguồn: fireant.vn)



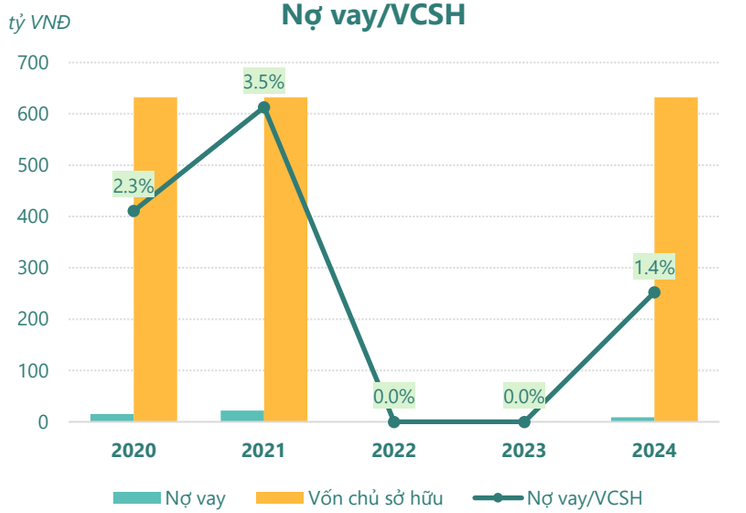
(Nguồn: fireant.vn)



(Nguồn: fireant.vn)

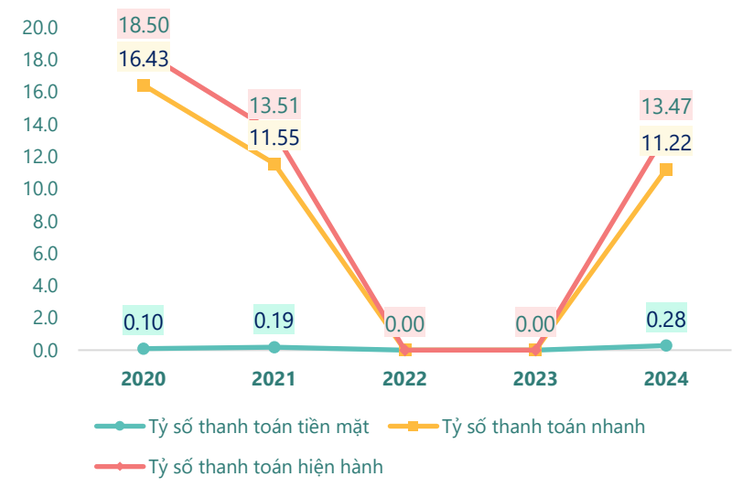
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



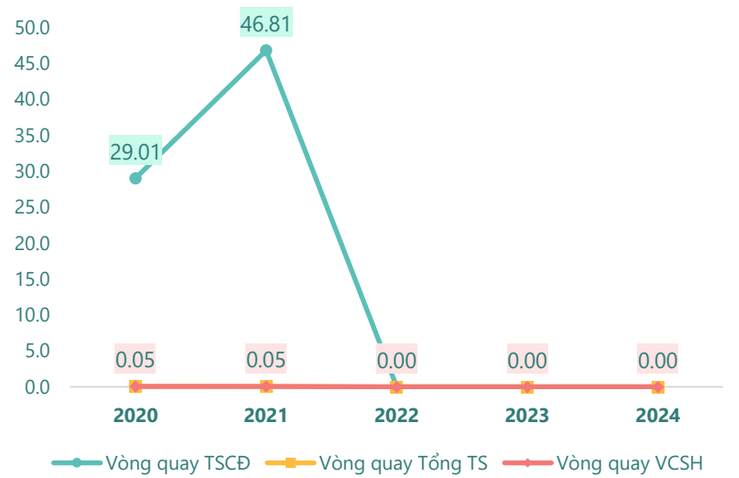
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



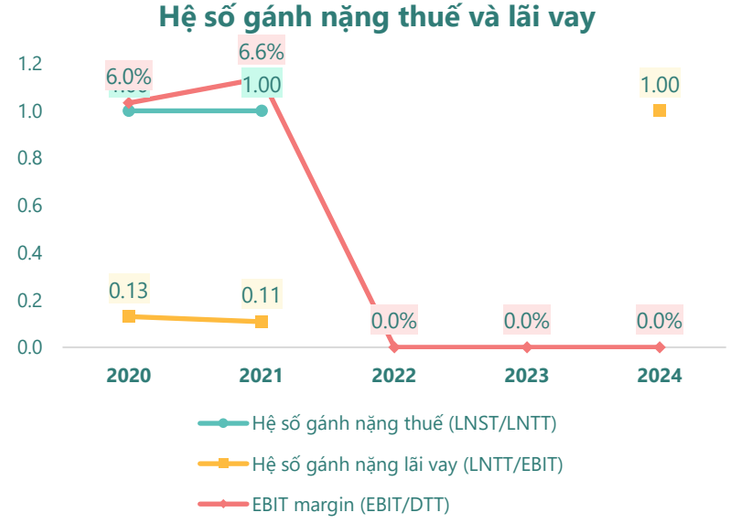
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



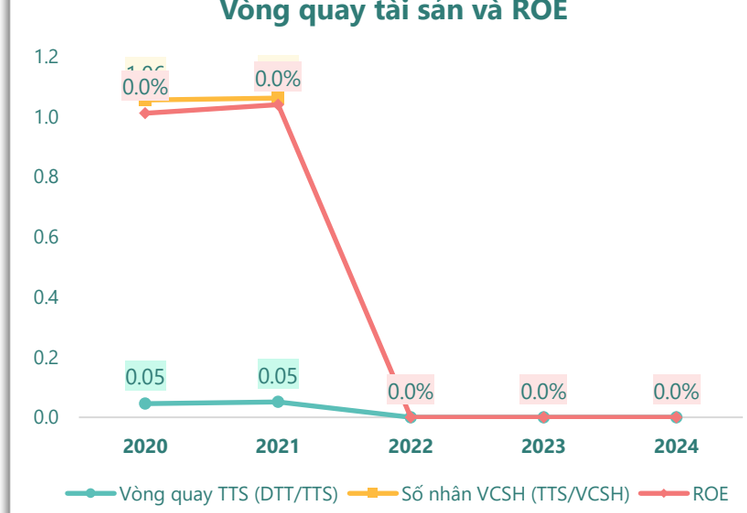
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



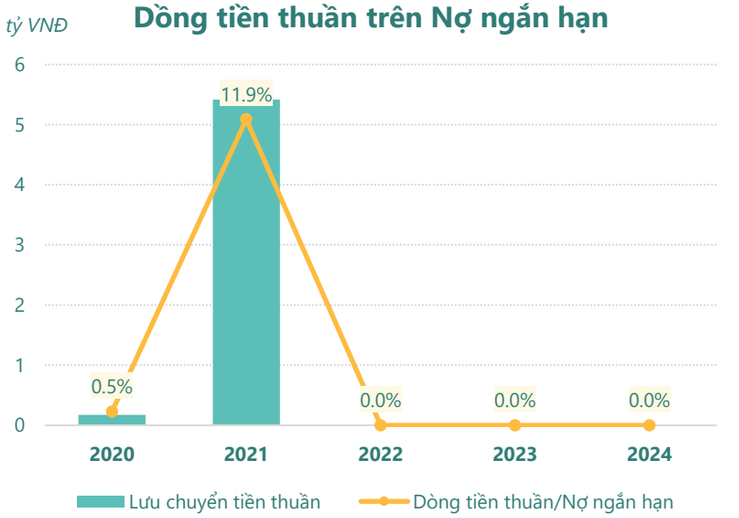
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q2/25	Q2/24	Thay đổi YoY	6T 2025	6T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**0**			**0**		
Giá vốn hàng bán	-7.04			-7.04		
Lợi nhuận gộp	7.04			7.04		
Doanh thu HĐTC	0.00			0.00		
Chi phí TC	0			0		
Chi phí lãi vay	0			0		
LN trong công ty LKLD	**0**			**0**		
Chi phí bán hàng	0			0		
Chi phí QLDN	**-2.78**			**-2.78**		
LN thuần từ HĐKD	9.83			9.83		
Lợi nhuận khác	**-573**			**-573**		
LN trước thuế	-563			-563		
Lợi nhuận sau thuế	**-563**			**-563**		
LNST của CĐ cty mẹ	**-563**			**-563**		

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ *(tỷ VNĐ)*	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	0	0	0	0	0	0
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0	0	0	0	0	0
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	0	0	0	0	0
Tiền đầu kỳ	0	0	0	0	13.0	0
Lưu chuyển tiền thuần	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	0	0	0	0	13.0	0

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**80.3**	**678**	**-88.1%**
Tài sản ngắn hạn	19.3	616	-96.9%
Tiền và tương đương tiền	0.08	13.0	-99.4%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	0.23	496	-100.0%
Hàng tồn kho	15.6	103	-84.9%
Tài sản ngắn hạn khác	3.43	3.76	-8.7%
Tài sản dài hạn	**61.0**	**61.7**	**-1.2%**
Phải thu dài hạn	0	0.50	-100%
Tài sản cố định	0	0.23	-100%
Bất động sản đầu tư	27.8	27.8	0.0%
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	33.3	33.3	0.0%
Tài sản dài hạn khác	**0**	**0**	
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	6.83	45.7	-85.1%
Nợ ngắn hạn	**6.83**	**45.7**	**-85.1%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	3.84	9.10	-57.8%
Phải trả người bán ngắn hạn	0	26.0	-100%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**73.5**	**632**	**-88.4%**
Vốn chủ sở hữu	**73.5**	**632**	**-88.4%**
Vốn điều lệ	603	603	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)